

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh QT/DT(%)
1	2	3	4	5=4/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9,837,177	12,690,723.19	129%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8,095,260	8,489,754.36	105%
I	Chi đầu tư phát triển	975,030	1,140,743.82	117%
1	Chi đầu tư cho các dự án	947,805	1,113,518.82	117%
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	662,030	803,352.35	
1.2	Chi từ nguồn thu sử dụng đất	255,775	273,353.74	107%
1.3	Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	30,000	30,929.33	103%
1.4	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác		5,883.39	
2	Chi đầu tư phát triển khác (bổ sung vốn cho quỹ phát triển đất)	27,225	27,225.00	
II	Chi thường xuyên	6,921,049	7,346,896.41	106%
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3,340,364	3,421,733.24	102%
2	Chi khoa học và công nghệ	14,518	16,192.10	112%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1,600	1,114.14	70%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000.00	100%
V	Dự phòng ngân sách	150,807		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	45,774		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1,741,917	1,498,947.90	86%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		84,726.66	
1	Chương trình giảm nghèo bền vững		57,194.94	
1.1	Dự án 1: Chương trình 30a		52,515.67	
	* Vốn đầu tư		52,515.67	
	* Vốn sự nghiệp			
1.2	Dự án 2: Chương trình 135		4,679.27	
	* Vốn đầu tư		4,679.27	
	* Vốn sự nghiệp			
2	Chương trình Xây dựng nông thôn mới		27,531.72	
	* Chi đầu tư		23,781.05	

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh QT/DT(%)
	* Chi sự nghiệp		3,750.67	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	1,741,917	1,414,221.24	81%
1	Vốn đầu tư	1,735,798	1,342,724.44	77%
1.1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài	179,172	222,010.33	124%
1.2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	1,556,626	1,114,697.83	72%
1.3	Vốn trái phiếu chính phủ		6,016.28	
2	Vốn sự nghiệp	6,119	71,496.80	1168%
	- DA an ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng	3,410	751.46	22%
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	2,367	2,348.00	99%
	- Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	221	221.00	100%
	- Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và chi hội trưởng hội phụ nữ	121	121.00	100%
	- Chương trình MT Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		52,898.89	
	- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững		6,779.95	
	- Chương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế giai đoạn 2 (Viện trợ EU)		1,429.08	
	- Kinh phí TH Đề án Sắp xếp ổn định dân cư, PTKTXH, đảm bảo QPAN huyện Mường Nhé (Đề án 79)		6,947.42	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		2,565,231.75	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		136,789.18	